

DROITS DE SCOLARITÉ et TARIFS – HOC PHÍ và PHÍ 2026/2027

FRAIS DE SCOLARITE – HỌC PHÍ

	1 ^{er} trimestre Hoc kỳ 1 (40%)	2 ^{ème} trimestre Hoc kỳ 2 (30%)	3 ^{ème} trimestre Hoc kỳ 3 (30%)	Total annuel Cả năm
MATERNELLE – MẪU GIÁO				
Français - Pháp	1996 €	1497 €	1497 €	4990 €
Vietnamien – Việt Nam	2656 €	1992 €	1992 €	6640 €
Étranger tiers – Nước ngoài	2960 €	2220 €	2220 €	7400 €
ÉLÉMENTAIRE – TIỂU HỌC				
Français - Pháp	2212 €	1659 €	1659 €	5530 €
Vietnamien – Việt Nam	2796 €	2097 €	2097 €	6990 €
Étranger tiers – Nước ngoài	3172 €	2379 €	2379 €	7930 €
COLLEGE – TRUNG HỌC CƠ SỞ				
Français - Pháp	2560 €	1920 €	1920 €	6400 €
Vietnamien – Việt Nam	3144 €	2358 €	2358 €	7860 €
Étranger tiers – Nước ngoài	3520 €	2640 €	2640 €	8800 €
LYCEE – TRUNG HỌC PHỔ THÔNG				
Français - Pháp	2756 €	2067 €	2067 €	6890 €
Vietnamien – Việt Nam	3380 €	2535 €	2535 €	8450 €
Étranger tiers – Nước ngoài	3704 €	2778 €	2778 €	9260 €

FRAIS D'INSCRIPTION – PHÍ GHI DANH

	Première inscription Ghi danh lần đầu	Réinscription Ghi danh lại
Français - Pháp	500 €	150 €
Vietnamien – Việt Nam	1200 €	200 €
Étranger tiers – Nước ngoài	1200 €	200 €

EXAMENS – CÁC KỲ THI

Diplôme National du Brevet (DNB) – Tốt nghiệp THCS :	70€
Epreuves anticipées de Première – Tú tài bán phần lớp 11 :	100€
Baccalauréat – Tú tài :	250€

RESTAURATION - DỊCH VỤ ĂN TRƯA

Restauration au forfait pour les élèves de maternelle et l'élémentaire.
Bữa ăn đăng ký theo học kỳ dành cho học sinh mẫu giáo và tiểu học.

	1 ^{er} trimestre Hoc kỳ 1 (40%)	2 ^{ème} trimestre Hoc kỳ 2 (30%)	3 ^{ème} trimestre Hoc kỳ 3 (30%)	Total annuel Cả năm
Maternelle	174 €	130,50 €	130,50 €	435 €
Mẫu giáo				
Elémentaire	188 €	141 €	141 €	470 €
Tiểu học				

Restauration à la carte digitalisée pour les élèves du secondaire et les personnels. Bữa ăn trả bằng thẻ dành cho học sinh trung học, giáo viên và cán bộ nhân viên.

Set repas – bữa ăn đủ món	92.000 VND
Snack – bữa ăn nhanh	70.500 VND

ACTIVITES EXTRASCOLAIRES – NGOẠI KHÓA

(Forfait annuel – Tính theo năm học)

- 1 activité par semaine – 1 môn/tuần : **185 €**
- 1 activité par semaine : Master chef – 1 môn/tuần : Làm bếp : **200 €**
- 1 activité par semaine : Théâtre – 1 môn/tuần : Kịch sân khấu : **250 €** (engagement à l'année – cam kết học cả năm)
- 1 activité par semaine : Natation – 1 môn/tuần : Bơi : **380 €**

ASSOCIATION SPORTIVE – HỘI THỂ THAO

(Forfait annuel - Tính theo năm học) : **100€/activité** (mỗi môn)

NB : Les frais des activités extrascolaires sont susceptibles de changer à partir de septembre 2027.

LƯU Ý : Học phí ngoại khóa có thể sẽ thay đổi từ tháng 9/2027.

AUTRES TARIFS – CÁC LOẠI PHÍ KHÁC

- Livre de l'année – Sổ lưu niệm ảnh : 10€ et autre livre – và ấn phẩm khác : prix d'achat – theo giá thời điểm
- Adhésion à l'assurance de maladie selon le barème établi par l'État vietnamien au 1er septembre, appliquée uniquement aux élèves de nationalité vietnamienne –
- Bảo hiểm y tế theo mức đóng do Cơ quan nhà nước Việt Nam quy định vào ngày 1 tháng 9, áp dụng cho học sinh chỉ có quốc tịch Việt Nam

AUTRES AMENDES DEGRADATIONS ET/OU PERTES – CÁC LOẠI PHÍ PHẠT ĐỀN

- Manuel scolaire - Sách giáo khoa (tính theo 1 đơn vị) : 30 €
- Livre et ou magazine - Sách truyện hoặc tạp chí (tính theo 1 đơn vị) : 20 €
- Livres et séries liés au programme scolaire - Sách và ấn phẩm thuộc chương trình học : 25€
- Livres et séries liés au programme scolaire (Option SI) - Sách và ấn phẩm thuộc chương trình học (Tiếng Anh) : 100€
- Perte de carte d'ascenseur - Thẻ thang máy (tính theo 1 đơn vị) : 5 €
- Perte de cadenas - Khóa tủ cá nhân (tính theo 1 đơn vị) : 5 €
- Perte de carnet de correspondance - Sổ liên lạc (tính theo 1 đơn vị) : 5€
- Amende pour non-respect des horaires de récupération des enfants selon le Règlement intérieur - Phạt do không tuân thủ giờ đón học sinh theo Nội quy : 50 €
- Autre matériel : prix de remplacement ou de la réparation – Vật tư khác : theo giá trị thay thế hoặc sửa chữa